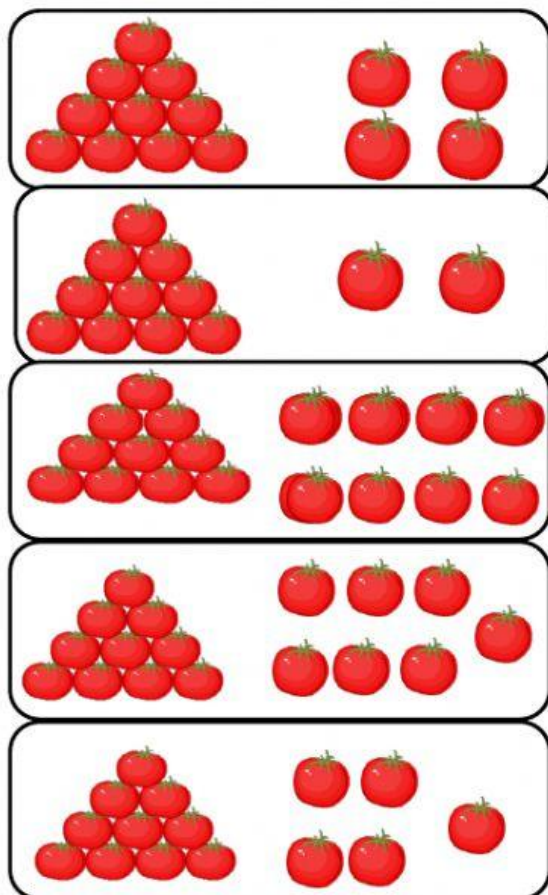


## PHIẾU TOÁN CUỐI TUẦN 19

Họ và tên học sinh: ..... Lớp: .....

### Bài 1. Nối.



Mười lăm

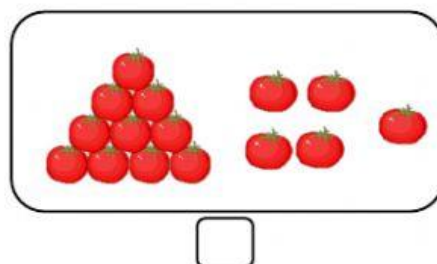
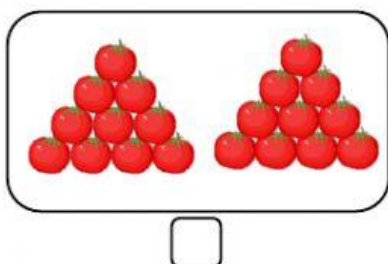
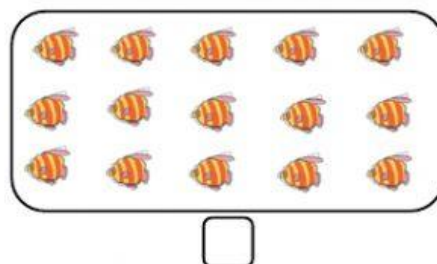
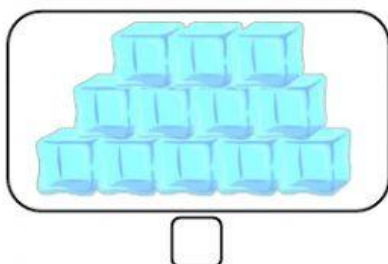
Mười bảy

Mười tám

Mười bốn

Mười hai

### Bài 2. Số?



**Bài 3. Hoàn thành các dãy số sau:**

|    |    |    |     |     |     |
|----|----|----|-----|-----|-----|
| a) | 10 | 11 | 12  | ... | ... |
| b) | 16 | 17 | ... | ... | ... |
| c) | 11 | 13 | ... | 17  | ... |

**Bài 4. Hoàn thành các dãy số sau:**

|    |    |    |     |     |     |     |     |
|----|----|----|-----|-----|-----|-----|-----|
| a) | 10 | 20 | ... | 40  | ... | ... | ... |
| b) | 10 | 30 | ... | 70  | ... |     |     |
| c) | 90 | 80 | 70  | ... | ... | ... | 30  |

**Bài 5. Tô màu theo yêu cầu sau:**

- Tô màu đỏ vào các số có hai chữ số giống nhau.
- Tô màu vàng vào các số tròn chục.
- Tô màu xanh vào các số có một chữ số.

|    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |
|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|
| 0  | 1  | 2  | 3  | 4  | 5  | 6  | 7  | 8  | 9  |
| 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 |
| 20 | 21 | 22 | 23 | 24 | 25 | 26 | 27 | 28 | 29 |
| 30 | 31 | 32 | 33 | 34 | 35 | 36 | 37 | 38 | 39 |
| 40 | 41 | 42 | 43 | 44 | 45 | 46 | 47 | 48 | 49 |
| 50 | 51 | 52 | 53 | 54 | 55 | 56 | 57 | 58 | 59 |
| 60 | 61 | 62 | 63 | 64 | 65 | 66 | 67 | 68 | 69 |
| 70 | 71 | 72 | 73 | 74 | 75 | 76 | 77 | 78 | 79 |
| 80 | 81 | 82 | 83 | 84 | 85 | 86 | 87 | 88 | 89 |
| 90 | 91 | 92 | 93 | 94 | 95 | 96 | 97 | 98 | 99 |

**Bài 6. Dựa vào bảng ở bài 5, viết số thích hợp để hoàn thành các câu sau:**

- Số tròn chục bé nhất là: .....
- Số tròn chục lớn nhất có hai chữ số là: .....
- Số tròn chục đứng trước số tròn chục lớn nhất có hai chữ số là: .....
- Có .... số có một chữ số.